

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Quyết;

2. Ông Trần Thế Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972, ĐKKHKT: Tổ 6, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng, hiện trú tại: Tổ 7, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 6, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09-10-2017, bản tự khai ngày 16-10-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Khắc T trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994, đến ngày 18-10-1997 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, thị xã Đồ Sơn (nay là quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng. Chị và anh T sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không tìm được

tiếng nói chung, phong cách sống của đôi bên không phù hợp, không tin tưởng nhau về tình cảm. Từ đó, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2011 đến nay chị và anh T vẫn cùng sống chung một nhà, ăn chung, nhưng vợ chồng sống ly thân không có quan hệ tình cảm với nhau. Gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhưng tình cảm giữa chị và anh T vẫn không hàn gắn được. Đến ngày 15-9-2017, giữa chị và anh T đã xảy ra cãi vã nhau, đánh nhau, thậm chí anh T còn cầm dao đuổi chị và con chị ra khỏi nhà, chị đã về nhà bố đẻ ở từ đó đến nay. Trong thời gian này, anh T không tìm chị về chung sống nữa. Anh chị không liên lạc với nhau, không có trách nhiệm hay quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1994 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004. Cháu M đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị nhận nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Bản tự khai ngày 05-12-2017, bị đơn là anh Nguyễn Khắc T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T trình bày về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị N trình bày ở trên. Vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do từ đầu năm 2017, chị N đưa đòi theo bạn bè nhiều lần đi chơi qua đêm không về nhà, khi anh khuyên ngăn, chị N không thay đổi phong cách sống mà thường xuyên vắng nhà nhiều hơn không có lý do. Từ khoảng tháng 9-2017, giữa anh và chị N đã xảy ra cãi nhau, có những lời lẽ xúc phạm, coi thường nhau, chị N đã bỏ về nhà bố đẻ ở. Sau đó, chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Anh muốn gia đình anh hòa giải để anh và chị N quay về đoàn tụ chung sống cùng nhau để nuôi dạy con cái vì anh thương cháu N còn nhỏ. Anh không muốn ly hôn với chị N.

Tuy nhiên, trong Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19-12-2017, anh T nêu trong thời gian chị N bỏ đi có nhiều biểu hiện sống không lành mạnh, chơi bời đàn đúm với nhiều bạn bè xấu, anh không còn tin tưởng chị N về tình cảm nữa, anh thấy giữa chị N và anh cuộc sống không còn phù hợp với nhau, anh đồng ý ly hôn với chị N. Do công việc của anh rất bận, không có thời gian đến Tòa án để giải quyết vụ án được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật, anh chấp nhận quyết định của Tòa án và không khiếu kiện gì.

- Về nuôi con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu M và cháu N như chị N nêu. Cháu M đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; với cháu N, anh tôn trọng sự lựa chọn của cháu, ở với ai là do cháu quyết định. Nếu cháu N có nguyện vọng ở với chị N thì anh đồng ý.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T; về con chung, chị nhận nuôi cháu N. Hiện nay, chị đang làm nghề thợ may với thu ổn định hàng tháng là 5.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh T. Về con chung, giao con Nguyễn Duy N cho chị N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Khắc T: Anh T đã có bản tự khai và đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn hiện trú tại: Tổ 6, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Khắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng năm 1997. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh T chung sống hòa thuận được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N, anh T bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày, nghi ngờ thiếu niềm tin vào nhau về tình cảm. Chị N và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Sự mâu thuẫn này ngày càng lớn mà tự anh, chị không thể hòa giải được. Các tài liệu xác minh thể hiện tình trạng hôn nhân của chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống của anh chị căng thẳng, không có hạnh phúc. Có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T cũng đồng ý ly hôn chị N vì vợ chồng không còn tình cảm. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị N và anh T ly hôn.

[4]. Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1994 và Nguyễn Duy N, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004. Cháu M đã trưởng thành, chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong đơn đề nghị ngày 19-10-2017, cháu N nêu nguyện vọng được ở với chị N. Tại Bản tự khai ngày 05-12-2017 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19-12-2017, anh T nêu: Cháu N có nguyện vọng ở với ai là do cháu tự lựa chọn. Nếu cháu có nguyện vọng ở với chị N thì anh cũng đồng ý. Tại phiên tòa, chị N đề nghị được nuôi cháu N, hiện nay, chị N làm nghề thợ may với thu ổn định hàng tháng là 5.000.000 đồng, đảm bảo để chị nuôi dưỡng, chăm sóc con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

[5]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hoặc cho đến khi chị N và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Khắc T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Duy N, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hoặc cho đến khi chị N và anh T có sự

thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số AA/2014/0009530 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Xuyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Yến Nguyễn Khắc Quyết

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường